TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày: 02-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tâm.
2. bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS, ngày 13 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/HSST-QĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/HSST-QĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa số: 1787/2025/TB-TA, ngày 09 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **TẠ VĂN T10**, sinh ngày 01/3/1993, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Tạ Văn T, sinh năm 1949 và con bà Lã Thị S, sinh năm 1949.

Anh chị em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ 06.

Vợ, con: Không.

Tiền án: Ngày 31/3/2020, bị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt 07 năm tù về tội *Cướp tài sản* (ngày 06/02/2024, chấp hành xong hình phạt tù);

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

2. Họ tên: **ĐẶNG PHƯƠNG N**, sinh ngày 22/9/1999, tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi thường trú: Thôn K, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thôn K, xã H, tỉnh Phú Thọ).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Đặng Văn Q, sinh năm 1976 và con bà Cao Thị L, sinh năm 1980.

Anh chị em ruột: Không.

Vợ, con: Không.

Tiền án: Ngày 23/9/2021, bị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội *Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi* (ngày 07/11/2023, chấp hành xong hình phạt tù).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

3. Họ tên: **ÔN ĐỨC TRƯỜNG**, sinh ngày 02/9/1985, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 0/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Ôn Đức K, sinh năm 1953 và con bà Lý Thị L1 (đã chết).

Anh chị em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ hai.

Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo **Ôn Đức T1**: Ông **Ôn Văn T2**, sinh năm 1971.

Nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã S, tỉnh Tuyên Quang) - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Ôn Đức T1**: Bà **Nguyễn Thị P** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T - Có mặt.

4. Họ tên: **TẠ VĂN HẬU**, Sinh ngày 06/4/2001, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, Xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Tạ Văn L2, sinh năm 1974 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1976.

Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai.

Vợ, con: Không.

Tiền án: Ngày 31/3/2020, bị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 năm tù về tội *Cướp tài sản* (Tháng 5/2023 chấp hành xong hình phạt tù).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/01/2016, bị Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *Trộm cắp tài sản* (Cảnh cáo).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

5. Họ tên: **THĂNG VĂN TRUNG**, sinh ngày 24/11/1991, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn V, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Thăng Văn H, sinh năm 1962 và con bà Ôn Thị L3, sinh năm 1962.

Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư.

Vợ: Đỗ Thị V1, sinh năm 1995.

Con: Có 02 người con; con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

6. Họ tên: **LÊ THỊ NGỌC T3**, sinh ngày 13/12/2003, tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi thường trú: Xóm C, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xóm C, xã V, tỉnh Phú Thọ).

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Nguyễn Anh B, sinh năm 1979 và con bà Lê Thị C, sinh năm 1980.

Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai

Chồng: Không.

Con: Có 01 người con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

7. Họ tên: **Y BÌNH**, sinh ngày 15/12/1999, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Xơ Đăng; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông A D, sinh năm 1960 (đã chết) và con bà Y L4, sinh năm 1962 (đã chết).

Anh chị em ruột: Có 09 người, bị cáo là thứ năm.

Chồng: Tạ Văn M, sinh năm 1988.

Con: Có 02 người con; con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

8. Họ tên: **HÀ DUY C1**, sinh ngày 16/8/1991, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ dân phố Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Hà Đức Q1, sinh năm 1966 (đã chết) và con bà Phạm Thị Q2, sinh năm 1971.

Anh chị em ruột: Không.

Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

9. Họ tên: **VŨ HOÀI P1**, sinh ngày 27/8/1986, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Vũ Minh Đ (đã chết) và con bà Tống Thị M1, sinh năm 1967.

Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai;

Vợ: Trần Thị T4, sinh năm 1990 (đã ly hôn).

Con: Có 01 người con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/9/2015, bị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (cũ) xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm về tội *Đánh bạc* (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

10. Họ tên: **ÔN ĐỨC HẢI**, sinh ngày 15/5/1995, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Ôn Văn T2, sinh năm 1971 và con bà Lục Thị S1, sinh năm 1965.

Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư.

Vợ: Ma Thị T5, sinh năm 1996.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

11. Họ tên: **NGUYỄN THỊ V**, sinh ngày: 12/8/1976, tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang).

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể: Không.

Con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và con bà Lã Thị Đ1, sinh năm 1946.

Anh chị em ruột: Có 07 người, bị cáo là thứ ba.

Chồng: Tạ Văn L2, sinh năm 1974.

Con: Có 02 người con; con lớn (đã chết), con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Phương Văn M2**, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Tuyên Quang) - Vắng mặt.

2. Anh **Trần Minh L5**, sinh năm 2000.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Y tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Đ xã N, tỉnh Tuyên Quang) - Vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị Minh P2** (tên gọi khác: **B1**), sinh ngày 07/7/2008.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn T6**, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Đ, phường V, tỉnh Bắc Ninh) - Chị P2 (B1) và ông T6 đều vắng mặt.

4. Chị **Triệu Thị L6** (tên gọi khác: **T3**), sinh ngày 05/01/2010.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Triệu Quý Đ2**, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh) - Chị L6 (T3) và ông Đ2 đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị **Triệu Thị L6** (**T3**): Bà **Nguyễn Kim T7** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T - bà T7 có mặt.

5. Chị **Lỳ Xe M3** (tên gọi khác: **Lý Ngọc N2**), sinh năm 2006.

Trú tại: Bản T, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là bản T, xã M, tỉnh Lai Châu) - Vắng mặt.

6. Chị **Lò Thị N3**, sinh ngày 26/01/2011.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lò Văn S2**, sinh năm 1999.

Cùng Trú tại: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là bản N, xã B, tỉnh Lai Châu) - Chị N3 và ông S2 đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị N3: Ông Nguyễn Văn T8 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T - ông T8 có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh **Trần Văn H1**, sinh năm 2003.

Trú tại: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn A, phường M, tỉnh Tuyên Quang) - Vắng mặt.

2. Anh **Lê Đức N4**, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn A, phường M, tỉnh Tuyên Quang) - Vắng mặt.

3. Chị **Triệu Thị D1**, sinh ngày 15/01/2010.

Người đại diện hợp pháp: Anh **Triệu A H2**, sinh năm 2000.

Cùng Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh) - Chị D1 và anh H2 đều vắng mặt.

4. Chị **Bùi Thị L7**, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyên C, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa) - Vắng mặt.

5. Chị **Lường Thị X**, sinh ngày 06/3/2007.

Trú tại: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là bản T, xã K, tỉnh Lai Châu) - Vắng mặt.

6. Anh **Tạ Văn M**, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang) - Có mặt.

7. Ông **Tạ Văn L2**, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã S, tỉnh Tuyên Quang) - Có mặt.

8. Chị **Nguyễn Thu H3**, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn B, xã S, tỉnh Tuyên Quang) - Có mặt.

9. Chị **Nguyễn Thị Mai L8**, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Làng T9, xã S, tỉnh Tuyên Quang) - Vắng mặt.

10. Ông **Nguyễn Kim Q3**, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Phúc) - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 23/8/2024 đến ngày 24/9/2024, Tạ Văn T10, Tạ Văn H4, Y B2 và Nguyễn Thị V cùng cư trú tại thôn T, xã T; Thăng Văn T cư trú tại thôn V, xã T; Ô, Ôn Đức T1 cùng cư trú tại thôn H, xã N; H Cương cư trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn S; Vũ Hoài P1 cư trú tại thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*;* Lê Thị Ngọc T3, cư trú tại xóm C, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Đặng Phương N, cư trú tại thôn K, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện hành vi *Môi giới mại dâm*, *C2 mại dâm*, *Mua dâm người dưới 18 tuổi*; *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý* và *Mua bán trái phép chất ma tuý*, cụ thể:

1. *Hành vi Môi giới mại dâm của Tạ Văn T10, Tạ Văn H4, Y B2; hành vi Mua dâm người dưới 18 tuổi của Hà Duy C1 và Vũ Hoài P1; hành vi Chứa mại dâm của Nguyễn Thị V như sau:*

Tháng 02/2024, Tạ Văn T10 chấp hành xong án phạt tù về địa phương, Tương tiếp nhận quản lý Cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke X-MEN Club địa chỉ ở thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (cơ sở của T10, đứng tên Giấy phép kinh doanh Tạ Văn M anh ruột Tương). Quá trình quản lý quán Tương thống nhất với Y B2 (vợ M) cùng quản lý và chia lợi nhuận. Đến cuối tháng 7/2024, T10 thuê Tạ Văn H4 làm nhân viên quản lý với công việc sắp xếp phòng, bố trí nhân viên phục vụ khách hát khi có yêu cầu và cùng nhau thống nhất: Khi hát có nhân viên nữ phục vụ, khách phải trả 200.000 đồng/01 giờ hát/01 nhân viên nữ (nhân viên được hưởng 120.000 đồng, quán X-MEN được 80.000 đồng), nếu khách hát có nhu cầu mua dâm với nhân viên giá mỗi lần bán dâm từ 500.000 đồng/01 lần quan hệ tình dục trở lên; qua đêm là 2.000.000 đồng, nhân viên hưởng 100%), trong thời gian khách hát mua dâm vẫn phải trả tiền thời gian giờ hát (200.000 đồng/01 giờ), tiền nhân viên phục vụ tại quán hát (200.000 đồng/01 giờ). Tại thời điểm này cơ sở kinh doanh có các nhân viên: Nguyễn Thị Minh P2 (tức Bống), sinh ngày 07/7/2008, trú tại tổ dân phố Đ, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (cũ); Triệu Thị L6 (T3), sinh ngày 05/01/2010, trú tại thôn K, xã Đ; T, sinh ngày 15/01/2010, trú tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (cũ); Bùi Thị L7, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (cũ); Lường Thị X, sinh ngày 06/3/2007, trú tại bản Ten Co Mư, xã T, huyện T; Lỳ Xe M3, trú tại bản T, xã K, huyện M và Lò Thị N3, sinh ngày 26/01/2011, trú tại bản Nà Hum, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (cũ) đều là nhân viên phục vụ khách hát. Hành vi phạm tội của các bị can thực hiện như sau:

Lần 1. Hồi 20 giờ 05 phút, ngày 23/8/2024, Hà D2 Cương điện cho Vũ Hoài P1 (bạn C1) rủ đi hát tại quán X2, P1 đồng ý. Sau đó C1 gọi điện thoại cho Tạ Văn T10 đặt phòng hát và yêu cầu bố trí nhân viên Nguyễn Thị Minh P2 (tức Bống) rót bia, bấm bài phục vụ trong quá trình hát. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 24/8/2024, C1 và P1 đến quán thì được T10 và H4 bố trí cho P2 phục vụ C1; còn P1 chọn Triệu Thị L6 (T3), phục vụ rót bia, bấm bài và hát cùng. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, C1 đặt vấn đề với T10 và H4 là muốn mua dâm P2, T10 và H4 đồng ý và nói với P2 "*Bống đi đi*", sau đó C1 và P2 đi sang Nhà nghỉ G (cách quán karaoke khoảng 20m). Khi đến nhà nghỉ C1 và P2 được Nguyễn Thị V (chủ nhà nghỉ) sắp xếp phòng số 01 (V không biết C1 và P2 thuê phòng để mua bán dâm). Sau khi nhận phòng C1 và P2 đã thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục khoảng 30 phút), C1 đã thanh toán cho P2 (B1) 600.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản (từ tài khoản V2 số 0821000049158 của C1 đến tài khoản Ngân hàng T15 số 2004243888 mang tên NGO NGUYEN THANH BINH do P2 cung cấp) để trả tiền mua dâm và C1 thanh toán cho V 100.000 đồng tiền thuê phòng. Tại thời điểm thực hiện hành vi mua bán dâm với C1 thì độ tuổi của Nguyễn Thị Minh P2 (B1) là 16 tuổi, 01 tháng 17 ngày.

Sau khi C1 và P2 đi, P1 ở quán H10 đã trao đổi với L6 về việc mua bán dâm, L6 đồng ý, P1 ra quầy thanh toán tiền nhưng không thấy ai (do T10 và H4 đã đi ngủ không biết P1 và L6 mua bán dâm), nên đã cùng L6 đi sang nhà nghỉ G thì được V sắp xếp vào phòng số 03 (V không biết P1 và L6 thuê phòng để mua bán dâm). Sau khi nhận phòng P1 và L6 đã thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục khoảng 05 phút) P1 đã thanh toán cho L6 500.000 đồng (chuyển tiền bằng hình thức quét mã QR-Code tài khoản Ngân hàng M6 số 8015121999 mang tên Y BINH được chụp lưu trong điện thoại của L6). Tại thời điểm thực hiện hành vi mua bán dâm với P1 thì độ tuổi của Triệu Thị L6 (T3) là 14 tuổi 7 tháng 19 ngày. Khi P1 về quán hát gặp H4, P1 đưa cho H4 100.000 đồng nhờ H4 trả tiền thuê phòng cho V (H4 không biết P1 và L6 mua bán dâm).

Sau khi mua bán dâm, C1 về quán trả tiền hát, tiền giờ nhân viên phục vụ cho H4 với số tiền 3.200.000 đồng (trả bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng V2 số 0821000049158 của C1 đến tài khoản Ngân hàng M6 số 0973416304 của H4).

Lần 02: Hồi 21 giờ 43 phút, ngày 24/8/2024, C1 rủ P1 đi hát tại quán X-MEN, P1 đồng ý, C1 gọi điện thoại cho T10 để đặt phòng hát và bảo Tương sắp xếp cho P2 phục vụ. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày C1 và P1 đến quán gặp H4 thì được H4 bố trí phòng hát và P2 phục vụ C1 cùng 01 nhân viên nữ phục vụ rót bia, bấm bài (không xác định được tên nhân viên). Khoảng 02 giờ ngày 25/8/2024, C1 và P2 thỏa thuận mua bán dâm rồi C1 đi ra bảo H4, H4 đồng ý còn P1 ở quán tiếp tục hát Karaoke. C1 và P2 đi sang Nhà nghỉ G thì được V sắp xếp phòng nghỉ (không xác định được số phòng, V không biết C1 và P2 thuê phòng để mua bán dâm). Sau khi nhận phòng C1 và P2 đã thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục khoảng 30 phút), C1 đã thanh toán cho P2 800.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng T15 số 2004243888 mang tên NGO NGUYEN THANH BINH) và C1 trả V 100.000 đồng tiền thuê phòng. C1 về quán thấy P1, T10 và H4 đang ở quầy lễ tân, H4 tính tiền (gồm tiền hát, giờ nhân viên phục vụ), C1 thanh toán cho Tương bằng tiền mặt (không xác định được số tiền cụ thể), quá trình thanh toán do thiếu 200.000 đồng,

C1 chuyển 200.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 0821000049158 của C1 đến tài khoản Ngân hàng M6 số 16199366666 của Tương.

Lần 3: Hồi 16 giờ 04 phút, ngày 13/9/2024, C1 gọi điện rủ P1 đi hát ở quán X2, P1 đồng ý. Sau đó C1 gọi điện thoại cho T10 để đặt phòng hát và dặn Tương cho P2 phục vụ, Tương đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, C1 và P1 đến quán thì gặp Y B2 đang quản lý quán (B2 làm từ ngày 12/9/2024 thay cho H4, trước đó T10 và B2 đã thống nhất cho nhân viên bán dâm khi khách hát có yêu cầu), do được T10 trao đổi từ trước, B2 bố trí cho P2 phục vụ C1 và một nhân viên phục vụ P1 (không xác định được tên). Đến khoảng 01 giờ ngày 14/9/2024, C1 rủ P2 sang Nhà nghỉ G để mua, bán dâm, P2 đồng ý, còn P1 ở quán tiếp tục hát karaoke. C1 và P2 đi sang Nhà nghỉ G (B2 biết nhưng không nói gì) thì được V sắp xếp phòng nghỉ (V không biết C1 và P2 thuê phòng để mua bán dâm). Sau khi nhận phòng C1 và P2 đã thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục khoảng 30 phút), C1 đã thanh toán cho P2 600.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng T15 số 2004243888 mang tên NGO NGUYEN THANH BINH) và C1 thanh toán 100.000 đồng tiền phòng nghỉ cho V bằng hình thức chuyển tiền quét mã QR-Code trên quầy vào tài khoản ngân hàng tên "Tạ Văn L2" rồi đi về quán hát. Tại thời điểm thực hiện hành vi mua bán dâm với C1, độ tuổi của Nguyễn Thị Minh P2 là 16 tuổi, 02 tháng 07 ngày. Khi về đến quán hát C1 đã trả cho Y B2 2.240.000 đồng (tiền hát, nhân viên phục vụ, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng V2 số 0821000049158 của C1 đến tài khoản Ngân hàng M6 số 0821000049158 của Y).

Lần 4. Khoảng 21 giờ ngày 14/9/2024, Trần Văn H1, Lê Đức N4 cùng trú tại thôn A, xã K, thành phố T; Phương Văn M2, Trần Minh L5 cùng trú tại thôn Đ, xã N, huyện Y đến quán X2-M để thuê phòng hát thì được Y B2 sắp xếp vào phòng hát số 01 và bố trí Bùi Thị L7, Nguyễn Thị Minh P2, Triệu Thị D1, Lường Thị X phục vụ, khoảng 01 giờ sau M2 yêu cầu đổi nhân viên X nên B2 đã bố trí Lỳ Xe M3 vào phục vụ thay. Khoảng 00 giờ ngày 15/9/2024, do M2 và L5 nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục nên M2 đặt vấn đề với Y B2 là mua dâm M3, còn L5 mua dâm L7, do Y B2 biết M2 muốn mua dâm qua đêm thì B2 bảo M2 vào hát tiếp rồi tính sau. Sau khi mọi người nghỉ hát H1 và M2 đã thanh toán 4.000.000 đồng cho B2 (H1 thanh toán 3.000.000 đồng, M2 thanh toán 1.000.000 đồng). M2 nói với B2 đã được Tương đồng ý cho mua dâm M3 qua đêm, thì B2 đồng ý và M2 đưa cho B2 2.000.000 đồng (tiền mua dâm). Cùng lúc này L5 bảo với B2 muốn mua dâm qua đêm với L7, thì B2 nói nếu L7 đồng ý thì cho đi. Luân thoả thuận thì L7 đồng ý bán dâm qua đêm với L5, L5 đưa cho B2 2.000.000 đồng (tiền mua dâm), B2 đồng ý, nhận và cất tiền vào két sắt trong phòng rồi đi ngủ. M2, M3, L5, L7 và H1 đi sang Nhà nghỉ G thuê phòng. Khi đến nhà nghỉ mọi người được V (chủ nhà nghỉ) sắp xếp H1 ở phòng số 01 để nghỉ; M2, M3 nghỉ phòng số 02; L5, L7 nghỉ phòng số 3 (V biết M3, L7 đều là nhân viên của quán X2-Men thường xuyên sang nhà V để tắm, giặt, ăn cơm và biết M3, L7 tại sẽ bán dâm tại nhà nghỉ của mình). Sau khi nhận phòng L9 và L7 đã thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục khoảng 30 phút), còn M2 và M3 đang chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm (quan hệ tình dục) thì V nhận được tin nhắn của B2 qua Z "Ngoc Bo" với nội dung "B3 khách chạy đi", V hiểu có công an đến và nhắn lại "có căn cước công dân mà", B2 nhắn "Quan trọng NV không đủ tuổi"… V đi đến phòng số 2, 3 gọi cửa thông báo có công an đến kiểm tra thì M2 và M3 mặc quần áo đi ra khỏi nhà nghỉ.

Cùng lúc này Tổ công tác của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm. Quá trình làm việc đã tiến hành lập biên bản đối với L5 và L7, thu giữ tại phòng số 3: 01 bao cao su (chưa qua sử dụng), 01 vỏ bao cao su, 01 bao cao su đã qua sử dụng.

2. *Hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý của Tạ Văn T10, Thăng Văn T11 và Lê Thị Ngọc T3; Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Tạ Văn H4, Ôn Đức H5, Ôn Đức T1 và Đặng Phương N.*

Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 14/9/2024, Tạ Văn T10 thuê Thăng Văn T11 (lái xe Taxi) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển số 22A - 205.60 chở đến quán X2 thuộc thị trấn T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để đón Hoàng Thị L10, trú tại thôn L, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang về quán Karaoke X-MEN của Tương để làm nhân viên phục vụ phòng hát. Sau khi đón được L10 về, T10 và T11 đến "shop Xmen" ở thôn T, xã T (là cửa hàng bán quần áo của T10 cho Lê Thị Ngọc T3, trú tại xóm C, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ quản lý, trông coi, T3 làm thêm móng, mi, gội đầu cho nhân viên). Quá trình ở cửa hàng Tương rủ T11 "*tý nữa tôi mua ít kẹo, ke anh đi chơi cùng tôi*" (nói bằng tiếng Sán Dìu nghĩa là rủ T11 đi sử dụng ma tuý loại kẹo, ke), T11 nói "*thế nào cũng được*". Lúc này T10 thấy Lò Thị N3, sinh ngày 26/01/2011, trú tại bản Nà Hum, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (là nhân viên của T10) đang được T3 nối mi, T10 rủ Như "*có đi chơi kẹo, ke không?*", N3 đồng ý. Sau đó, T10 gọi điện cho Tạ Văn H4 hỏi H4 về chỗ nào bán kẹo, ke, H4 hỏi lấy như thế nào thì T10 nói lấy 01 chỉ ke và 04 viên kẹo, H4 bảo Tương đợi để H4 hỏi. Lúc này H4 đang ngồi chơi cùng Ôn Đức H5 ở tại nhà Ôn Đức T1 (tên gọi khác Ba, là người khuyết tật bị mù hai mắt). Do biết H5 mua được ma tuý nên H4 đã bảo H5 mua 01 chỉ ke và 04 viên kẹo cho T10; H5 đồng ý và gọi điện qua ứng dụng M4 (tài khoản "Hải Keny") cho Đặng Phương N (tài khoản "Bảo Nam") hỏi mua 01 chỉ ke, 04 kẹo thì N nói giá 01 chỉ ke là 1.800.000 đồng, kẹo là 400.000 đồng/1 viên, tổng là 3.400.000 đồng (N biết giá 01 chỉ ke là 1.500.000 đồng và kẹo là 300.000 đồng/01 viên, Nam báo giá lên để hưởng chênh lệch) và N gửi số tài khoản để H5 thanh toán tiền mua ma tuý. H5 đã nói lại giá ma tuý cho H4, H4 gọi điện thoại thông báo cho T10 giá 01 chỉ ke, 04 kẹo là 5.000.000 đồng (H4 báo giá lên để hưởng chênh lệch 1.200.000 đồng), Tương đồng ý mua. Tương chuyển 5.000.000 đồng (từ tài khoản Ngân hàng M6 của Tương đến tài khoản Ngân hàng T15 số 19073165965017 của H4) rồi T10 rủ T3 cùng đi sử dụng ma tuý T3 đồng ý. T11 điều khiển xe ô tô chở T10, T3 và Như đi lấy ma tuý, trên đường đi, Tương vào một cửa hàng tạp hoá mua 01 bóng đèn Led xoay nhiều màu với mục đích để sử dụng sau khi dùng ma tuý. Sau khi nhận được tiền Tương chuyển, H4 chuyển 3.800.000 đồng (tiền mua ma tuý 3.400.000 đồng, tiền công giao ma tuý 400.000 đồng) từ tài khoản của H4 cho N qua tài khoản Ngân hàng V2 số 9975477801 mang tên HOANG TIEN CONG (do N cung cấp). Sau khi nhận tiền từ H4, N điện thoại cho Nguyễn Văn H6 ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi mua 01 chỉ ke và 04 viên kẹo, thì H6 nói 01 chỉ ke giá 1.500.000 đồng và chỉ còn 03 viên kẹo giá 900.000 đồng (300.000 đồng/01 viên), N nhất trí mua. Sau đó N điều khiển xe mô tô đi đến nhà H6 gặp H6 giao tiền và nhận ma tuý rồi N cầm ma tuý được gói trong túi nylon. quấn băng dính (bên trong có 01 chỉ ke và 03 viên kẹo) đi đến nhà Trường gặp H5 giao ma tuý rồi đi về nhà. H5 bảo H4 đưa ma tuý cho T10 nhưng do không muốn Tương biết H4 đang ở nhà Trường nên H4 bảo H5 nhờ T1 cầm túi nylon chứa ma tuý đưa cho T10, H5 gọi

điện cho T10 qua M4 bảo T10 đến gần cổng nhà Trường để giao ma tuý và thông báo cho Tương biết chỉ có 01 chỉ ke và 03 viên kẹo. Tương bảo T11 điều khiển xe ô tô đi đến nhà H5 thì T1 cầm gói ma tuý đi ra cổng, T10 mở kính cửa bên phụ xe ô tô, T1 đưa cho T10 gói ma túy, T10 đưa cho Thảo cầm và bảo T11 điều khiển xe ô tô về nhà nghỉ Bốn M, địa chỉ thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để cùng nhau sử dụng. Trên đường đi T10 gọi điện thoại cho H4 nói là chỉ có 3 viên kẹo không phải 4 viên như lúc đầu nên yêu cầu H4 phải chuyển lại tiền thừa thì H4 đồng ý (nhưng chưa trả lại tiền cho T10).

Khi đến Nhà nghỉ B7, Tương gặp Nguyễn Thị H7 (chủ nhà nghỉ) hỏi thuê phòng, thì được H7 bố trí cho thuê phòng 201; Tương lấy 02 lon cocacola rồi cùng T3, N3 đi lên phòng, còn T11 đi lấy nước. Đến phòng 201 thấy Nguyễn Thị Mai L8 (là nhân viên của nhà nghỉ), trú tại thôn L, xã T, huyện S đang thay ga giường thì T10 nhờ L8 lấy cho mượn 01 đĩa. Sau khi mượn được đĩa T10 đi vào nhà vệ sinh lấy giấy lau đĩa, dùng bật lửa khò hơ khô đĩa. T3 vào nhà vệ sinh lấy cốc rồi đổ cocacola vào cốc và lấy 03 viên kẹo (ma tuý, dạng viên thuốc con nhộng, một nửa vỏ màu trắng và một nửa vỏ màu xanh lá), tách hai phần vỏ ra, đổ bột ma túy vào trong cốc cocacola; rồi T3 dùng bật lửa khò hơ nóng mặt đáy của đĩa rồi đổ ke vào, đồng thời hỏi T10 có thẻ ngân hàng không thì T10 đưa cho T3 01 Giấy phép lái xe (số 080124003703 mang tên Hoàng Mạnh H8, ngày sinh 02/01/1981, nơi cư trú T, X. T, H. S, T12 Tuyên Quang do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 23/12/2021). Thảo cầm giấy phép lái xe làm mịn ma tuý và chia ma túy thành 04 phần trên đĩa sứ (xào ke). T3 hỏi T10 có tiền không thì T10 đưa cho T3 một tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng, Thảo cầm và quấn tờ tiền thành hình trụ tròn dạng ống hút rồi bảo Như bóc vỏ đầu lọc thuốc lá để cố định tờ tiền. Như và Tương bóc 03 vỏ đầu lọc thuốc lá đưa cho T3 để T3 cố định tờ tiền thành ống hình trụ làm ống hít, cùng lúc này T11 lên phòng cầm theo 03 chai nước. Sau đó T10, Như, T11 và T3 lần lượt hít ke (ma tuý) vào cơ thể và uống cốc nước cocacola đã được pha chế kẹo (ma tuý). Thấy T11 sử dụng ma tuý chưa quen nên T3 đã sử dụng điện thoại của mình chụp lại ảnh đồ đựng ma túy và hình ảnh T10 cầm đĩa cho T11 hít ke để trêu T11. Sau khi hít 02 lượt ke thì Tương tắt điện phòng, bật đèn màu có ánh sáng xoay cùng mọi người nằm trên giường.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/9/2024, do thấy có công an đi kiểm tra, H7 đã gọi điện báo cho T10, khi kiểm tra phòng nghỉ thấy vẫn còn K1 ở trên đĩa nên T3 đã dùng giấy phép lái xe gạt số ma tuý còn lại vào trong túi nylon, cầm theo. Sau đó T11 điều khiển xe ô tô chở T10, T3 và N3 đi đến Nhà nghỉ S4 (do Nguyễn Kim Q3 là chủ Nhà nghỉ) thuộc thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc thuê một phòng tầng 2 của nhà nghỉ. Quá trình nghỉ tại phòng T3 bảo với mọi người vẫn còn ma túy, T3 đổ ke ra mu bàn tay của T10, T11 và N3; T10 và N3 đưa lên mũi hít vào cơ thể (độ tuổi của Lò Thị N3 khi sử dụng ma tuý là 13 tuổi, 07 tháng 19 ngày). Do T11 khó chịu nên không sử dụng thì Thảo cầm tay T11 kéo về phía mình, T11 hiểu ý đưa tay có ma tuý lên mũi T3 để T3 hít ma tuý vào cơ thể. Khi các đối tượng vừa sử dụng xong ma tuý thì Cơ quan điều tra Công an tỉnh T đến triệu tập làm việc, T11 chạy vào nhà vệ sinh bỏ túi nilon đựng ma tuý vào bồn cầu rồi xả nước, còn T10 đã bỏ trốn để lại túi sách ở phòng.

Lần 2: Ngày 23/9/2024 (không xác định được thời gian cụ thể), Ôn Đức H5 gọi điện thoại (qua ứng dụng messenger) cho Đặng Phương N hỏi mua 05 gam ma tuý "đá", N đồng ý và gọi điện cho Nguyễn Văn H6 để hỏi mua ma túy thì được H6 thông

báo chỉ còn 01 gam ma tuý "đá" bán với giá 800.000 đồng. Sau khi gọi điện thoại cho H6, N gọi điện thoại thông báo cho H5 chỉ có 01 gam ma túy "đá" giá 1.500.000 đồng, H5 đồng ý mua và bảo N cầm ma túy đến nhà Ôn Đức T1 giao cho H5. N đi xe mô tô đến nhà H6 đưa 800.000 đồng và nhận 01 gam ma tuý "đá" được gói trong 02 túi nylon màu trắng (có rãnh khoá) bên trong mỗi gói có 03 túi nylon (tổng 06 gói) chứa chất tinh thể màu trắng rồi đi về nhà. Đến tối cùng ngày, N đem số ma tuý trên đến nhà Ôn Đức T1 để bán cho H5 nhưng không gặp H5, N đưa số ma tuý trên cho T1 để T1 đưa cho H5. Sáng ngày 24/9/2024, T1 cho số ma tuý vào 02 túi quần (mỗi túi quần 01 gói nylon) đi ra đường liên thôn trước nhà để giao ma tuý cho H5 (chưa gặp H5) thì bị Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 08 giờ 30 cùng ngày, thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 1214/KL-KTHS ngày 17/9/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T, kết luận: Tìm thấy chất ma tuý bám dính trên Giấy phép lái xe hạng C (loại nhựa PET), số 080124003703 mang tên Hoàng Mạnh H8, sinh ngày 02/01/1981 gửi giám định, loại Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số: 1285/KL-KTHS, ngày 27/9/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T, kết luận: Chất tinh thể màu trắng có trong 06 (sáu) túi nilon thu giữ của Ôn Đức T1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng là 1,309g *(một phẩy ba không chín gam)*.

Tại Biên bản xét nghiệm tìm chất ma tuý ngày 28/10/2024, đối với Đặng Phương N. Kết quả xét nghiệm (+) Dương tích với chất ma tuý, loại ma tuý thuốc lắc (MDMA) và ma tuý dá (MET). Kết luận: Có chất ma tuý trong cơ thể của Đặng Phương N.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể ngày 15/9/2024, đối với Thăng Văn T11. Kết quả (+) Dương tích với (MDMA). Kết luận: Có chất ma tuý trong cơ thể của Thăng Văn T11.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể ngày 15/9/2024, đối với Lê Thị Ngọc T3. Kết quả (+) Dương tích với (MDMA). Kết luận: Có chất ma tuý trong cơ thể của Lê Thị Ngọc T3.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể ngày 15/9/2024, đối với Lò Thị Như . Kết quả (+) Dương tích với (MDMA). Kết luận: Có chất ma tuý trong cơ thể của Lò Thị Như .

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể ngày 19/9/2024, đối với Tạ Văn T10. Kết quả (-) Âm tích. Kết luận: Không có chất ma tuý trong cơ thể của Tạ Văn T10.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 bao cao su chưa qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su; 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bì niêm phong sau khi đã lấy mẫu giám định (0,05g), bên trong có 1,304g ma túy (loại Methamphetamine).

- Tạm giữ của Tạ Văn T10: 01 chiếc túi có kích thước (24x18x6)cm trên bề mặt túi có nhiều ô vuông màu đen, xám xen kẽ; 01 bóng đèn Led; 01 Căn cước công dân số 008093004956, mang tên Tạ Văn T10, cấp ngày 26/02/2024; 01 Căn cước công dân số 038193011912, mang tên Bùi Thị L7, cấp ngày 11/06/2023; 01 Giấy phép lái xe số 080124003703, mang tên Hoàng Mạnh H8, cấp ngày 23/12/2021, mặt sau bên dưới có dãy số BL594670; 01 Giấy phép lái xe số 080195800211, mang tên Tạ Văn T10, cấp ngày 20/4/2019, mặt sau bên dưới có dãy số AR664070; 01 chiếc bật lửa bằng nhựa

màu vàng, kích thước (7,5x2x0,9)cm; 01 chiếc bật lửa bằng nhựa màu xanh, kích thước (7,5x2x0,9)cm; 01 chiếc bật lửa bằng nhựa màu trắng, kích thước (7,5x2x1,5)cm; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus, vỏ màu hồng.

- Tạm giữ của Lê Thị Ngọc T3: 01 điện thoại di động có nhãn hiệu iPhone 12, vỏ màu xanh, lắp 01 sim V3.

- Tạm giữ của Thăng Văn T11: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu sơn nâu vàng, biển số 22A - 205.60.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, vỏ màu xanh, lắp 01 sim V3.

- Tạm giữ của Y B2: 14.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu tím; lắp 01 sim V3.

- Tạm giữ của Hà Duy C1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Iphone 13 Promax, 01 sim Vinaphone.

Quá trình điều tra ngày 02/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu sơn nâu vàng, biển số 22A - 205.60 cho Thăng Văn B4 (anh Thăng Văn T11).

Tại Cơ quan điều tra, Tạ Văn T10, Tạ Văn H4, Y B2, Hà Duy C1, Vũ Hoài P1, Nguyễn Thị V, Thăng Văn T11, Lê Thị Ngọc T3, Ôn Đức H5, Ôn Đức T1 và Đặng Phương N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, Vật chứng thu giữ, Biên bản đối chất, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số: 20/CT-VKS-P2, ngày 12 tháng 3 năm 2025, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố:

- Tạ Văn T10 về 02 tội: Tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý* và tội *Môi giới mại dâm"*, quy định tại điểm a, b, c, h, khoản 2, Điều 255; điểm a, d, đ, khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

- Đặng Phương N về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*, quy định tại điểm b, q, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Ôn Đức T1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Tạ Văn H4 về 02 tội: Tội "Mua bán *trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*, quy định tại khoản 1, Điều 251; điểm a, d, khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

- Thăng Văn T11 và Lê Thị Ngọc T3 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*, quy định tại điểm a, b, c, khoản 2, Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

- Y Bình về tội *"Môi giới mại dâm"*, quy định tại điểm a, d, đ, khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

- Hà Duy C1 về tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"*, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 329 của Bộ luật Hình sự.

- Vũ Hoài P1 về tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"*, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 329 của Bộ luật Hình sự.

- Ôn Đức H5 về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*, quy định tại khoản 1, Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Thị V về tội *"Chứa mại dâm"*, quy định tại khoản 1, Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn T10 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*; bị cáo Đặng Phương N và bị cáo Ôn Đức T1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; bị cáo Tạ Văn H4 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*; bị cáo Thăng Văn T11 và bị cáo Lê Thị Ngọc T3 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*; bị cáo Y B2 phạm tội *"Môi giới mại dâm"*; bị cáo Hà Duy C1 và bị cáo Vũ Hoài P1 phạm tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"*; bị cáo Ôn Đức H5 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

1. Áp dụng điểm a, b, c, h khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm a, d, đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với tội *"Môi giới mại dâm"*); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38; 55 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Văn T10 từ 11 (Mười một) năm tù đến 12 (Mười hai) năm về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*; từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù về tội *"Môi giới mại dâm"*; tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 16 (Mười sáu) năm tù đến 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền từ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Môi giới mại dâm"*.

2. Áp dụng điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58; 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Đặng Phương N từ 09 (Chín) năm tù đến 10 (M5) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/10/2024.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; 58; 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Ôn Đức T1 từ 05 (Năm) năm tù đến 06 (S3) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/10/2024.

Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản và là người khuyết tật nặng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T1.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm a, d khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38; 55 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Tạ Văn H4 từ 03 (Ba) năm tù đến 04 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Môi giới mại dâm". Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 06 (Sáu) năm tù đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Môi giới mại dâm"*.

5. Áp dụng điểm a, b, c khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2, Điều 54; 58; 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Thăng Văn T11 từ 06 (S3) năm tù đến 06 (Sáu) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền từ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

6. Áp dụng điểm a, b, c khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2, Điều 54; 58; 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc T3 từ 05 (Năm) năm tù đến 05 (Năm) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền từ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

7. Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Y B2 từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (B5) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/9/2024.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

8. Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 329; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Duy C1 từ 02 (Hai) năm tù đến 02 (Hai) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

9. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 329; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Hoài P1 từ 02 (Hai) năm tù đến 02 (Hai) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

10. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Ôn Đức H5 từ 02 (Hai) năm tù đến 02 (Hai) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), để sung ngân sách Nhà nước.

11. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), để sung ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy gồm:*

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một bao cao su có chữ nước ngoài ở vỏ, chưa qua sử dụng.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một vỏ bao cao su có chữ nước ngoài.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một bao cao su đã qua sử dụng.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín (bên ngoài bì có ghi chữ "Tang vật vụ Ôn Đức T1, Giám định ngày 24/9/2024), bên trong có 1,309g ma tuý của Ôn Đức T1.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu vàng, kích thước (7,5x2x0,9)cm.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu xanh, trên thân có dòng chữ "BẬT LỬA AN TOÀN THONG NHẠT... khởi nguồn may mắn", kích thước (7,5x2x0,9)cm.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu trắng, có một phần dán giấy có hình ảnh và có chữ "HOA VIỆT", kích thước (7,5x2x1,5)cm.

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:*

- 01 (Một) bóng đèn Led xoay nhiều màu đã gắn vào ổ cắm có kích thước (8x8x15)cm, gồm các bộ phận sau: Phần đèn hình khối cầu, bên trên có phần nhựa có thể xoay tròn, phần đế gồm bóng đèn và các linh kiện điện tử và phần nhựa màu vàng, phần tiếp điện dạng trụ đuôi xoáy; phần ổ cắm dạng chữ L, có phần tiếp điện dạng trụ đui xoáy, phần phích cắm điện 2 chân tròn.

- 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus, vỏ màu hồng, bên trong có 01 sim viettel có số 8984048000038O2t344 trên bề mặt sim, số máy MN3U2LL/A; Số sê-ri F2LT6GBHFM5; IMEI 354984075931334 của Tạ Văn T10 đựng trong 01 (Một) bì niêm phong dán kín (bên ngoài bì có ghi chữ "Điện thoại của Tạ Văn T10").

- Tiền mua dâm của Trần Minh L5, Phương Văn M2 với tổng số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đã thu giữ của bị cáo Y B2.

** Truy thu để tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:*

- Bị cáo Đặng Phương N số tiền chênh lệch và tiền mua bán ma tuý tổng cộng là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Tạ Văn H4 tiền chênh lệch do mua bán ma tuý là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh P2 (tên gọi khác: B1) số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị L6 (tên gọi khác: T3) số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

** Trả lại tài sản, đồ vật như sau:*

- Trả lại cho bị cáo Tạ Văn T10 gồm:

+ 01 (Một) chiếc túi có kích thước (24x18x6)cm chất liệu da, trên bề mặt túi có nhiều ô vuông màu đen, xám xen kẽ.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 008093004956, mang tên Tạ Văn T10, sinh ngày 01/3/1993.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 038193011912, mang tên Bùi Thị L7, sinh ngày 18/04/1993.

+ 01 (Một) bì niêm phong dán kín (ngoài bì có ghi chữ "Giấy phép lái xe mang tên Hoàng Mạnh H8"), bên trong có Giấy phép lái xe số 080124003703, mang tên Hoàng Mạnh H8, ngày sinh 02/01/1981, do Sở giao thông vận tại cấp ngày 23/12/2021; mặt sau bên dưới có dãy số BL594670.

+ 01 (Một) Giấy phép lái xe số 080195800211, mang tên Tạ Văn T10, ngày sinh 01/03/1993, do Sở giao thông vận tại cấp ngày 20/4/2019; mặt sau bên dưới có dãy số AR664070.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ngọc T3 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, vỏ màu xanh, lắp 01 sim viettel, điện thoại đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị V 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, vỏ màu xanh; sim 1 hoạt động là sim V3, không có sim 2. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Y B2 gồm:

+ 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này có trong tổng số tiền 14.500.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu tím, bên trong lắp 01 sim V3, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Hà Duy C1 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, bên trong lắp 01 sim Vinaphone, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Ôn Đức T1 là bà Nguyễn Thị Phương trình B6: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bị cáo Ôn Đức T1 không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người khuyết tật nặng (bị mù hai mắt), bị cáo không có học vấn, là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo; bị cáo không có việc làm, nên ai nhờ việc gì là bị cáo làm để có tiền trang trải cuộc sống, do đó bị cáo bị lợi dụng, lôi khéo. Trong vụ án ngày, bị cáo chỉ giúp bị cáo H5, N mua bán ma túy trái phép, bị cáo không nhằm mục đích hưởng lợi; là đồng phạm giúp giúp sức không đáng kể. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ôn Đức T1 mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa. Do bị cáo là người khuyết tật nặng và thuộc hộ nghèo, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Triệu Thị L6 (T3) là bà Nguyễn Kim T7 trình bày: Chị Triệu Thị L6 (T3) do hoàn cảnh gia đình khó khăn, học đến lớp

7 đã nghỉ học, nên đã tìm việc làm và được Tạ Văn T10 thuê làm nhân viên phục vụ phòng hát Karaoke. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng minh được hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Văn T10, bị cáo Vũ Hoài P1 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa. Hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi đã tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh xã hội, ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần người dưới 18 tuổi. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2 Điều 328; điểm b khoản 2 Điều 329 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo P1 mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả đã gây ra, như vậy mới có tác dụng giáo dục, cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, chị L6 bị ảnh hưởng đến danh dự, uy tín đã được bị cáo bồi thường; chị L6 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P1, nên đề nghị xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị N3 là ông Nguyễn Văn T8 trình bày: Chị Lò Thị Như T13 đến ngày vi phạm là người dưới 14 tuổi, nên nhận thức còn hạn chế. Chị N3 bị rủ rê, lôi kéo sử dụng ma túy trái phép; chị Như K2 bị thiệt hại, không bị xâm phạm gì và chị N3, người đại diện hợp pháp của chị N3 không có yêu cầu gì, nên tôi nhất trí không có ý kiến gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo T10, N, T1, H4, T11, T3, B2, C1, P1, H5, V và ông T2 (người đại diện hợp pháp của bị cáo T1) đều không có ý kiến tranh luận gì.

Kết thúc phần tranh tụng, 11 bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của người làm chứng, cũng như phù hợp với vật chứng đã thu giữ; Kết luận giám định, nên có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 23/8/2024 đến ngày 24/9/2024, Tạ Văn T10, Tạ Văn H4, Y B2, Nguyễn Thị V cùng cư trú tại thôn T, xã T, huyện S (cũ); Hà Duy C1, cư trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S (cũ); Vũ Hoài P1, cư trú tại thôn T, xã M, huyện S (cũ); Thăng Văn T11, thôn V, xã T, huyện S (cũ); Ôn Đức H5, Ôn Đức T1, cư trú tại thôn H, xã N,

huyện S, tỉnh Tuyên Quang (cũ)*;* Lê Thị Ngọc T3, cư trú tại xóm C, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (cũ) và Đặng Phương N, cư trú tại thôn K, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), đã thực hiện hành vi *Môi giới mại dâm*, *Mua dâm người dưới 18 tuổi*, *Chứa mại dâm*, *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý* và *Mua bán trái phép chất ma tuý*, cụ thể:

1. Hành vi môi giới mại dâm của Tạ Văn T10, Tạ Văn H4, Y B2; hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi của Hà Duy C1, Vũ Hoài P1; hành vi chứa mại dâm của Nguyễn Thị V

- *Lần 1:* Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 24/8/2024 tại quán X2 ở thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (cũ), Tạ Văn T10 và Tạ Văn H4 đã thực hiện hành vi môi giới cho Hà Duy C1 mua dâm Nguyễn Thị Minh P2 (Bống), sinh ngày 07/07/2008. Sau đó tại Nhà nghỉ G ở thôn T, xã T, huyện S (cũ), C1 mua dâm với P2 (C1 trả P2 600.000 đồng). Vũ Hoài P1 mua dâm Triệu Thị L6 (T3), sinh ngày 05/01/2010 (P1 trả L6 500.000 đồng). Tại thời điểm mua bán dâm, độ tuổi của P2 là 16 tuổi 01 tháng 17 ngày, độ tuổi của L6 là 14 tuổi 7 tháng 19 ngày.

- *Lần 2:* Khoảng 02 giờ, ngày 25/8/2024, tại quán X2-MEN C và H4 đã thực hiện hành vi môi giới cho Hà Duy C1 mua dâm Nguyễn Thị Minh P2. Sau đó tại Nhà nghỉ G, C1 mua dâm với P2 (C1 trả P2 800.000 đồng).

- *Lần 3*: Khoảng 01 giờ, ngày 14/9/2024, tại quán X2-MEN C và Y B2 đã có hành vi môi giới cho Hà Duy C1 mua dâm Nguyễn Thị Minh P2. Sau đó tại Nhà nghỉ G, C1 mua dâm với P2 (C1 trả P2 600.000 đồng). Tại thời điểm mua bán dâm, độ tuổi của P2 là 16 tuổi 02 tháng 07 ngày.

- *Lần 4:* Khoảng 00 giờ, ngày 15/9/2024, tại quán X2-MEN C và Y B2 có hành vi môi giới cho Trần Minh L5 mua dâm Bùi Thị L7; Phương Văn M2 mua dâm Lỳ Xe M3 với tổng số tiền 4.000.000 đồng (B2 thu tiền). Sau đó tại Nhà nghỉ G do Nguyễn Thị V làm chủ, V đã có hành vi cho L5 và M2 thuê phòng nghỉ (chưa thanh toán tiền) để L5 mua bán dâm với L7; M2 mua bán dâm với M3.

2. Hành vi tổ chức dùng chất ma tuý của Tạ Văn T10, Lê Thị Ngọc T3 và Thăng Văn T11; hành vi mua bán trái phép chất ma tuý của Tạ Văn H4, Ôn Đức H5, Ôn Đức T1 và Đặng Phương N.

- *Lần 1:* Vào khoảng 18 giờ, ngày 14/9/2024, tại thôn T, xã T, huyện S (cũ), T10 đã có hành vi rủ T11, T3 và Lò Thị N3, sinh ngày 26/01/2011 sử dụng chất ma tuý trái phép, sau đó Tương nhờ H4 mua hộ ma túy (01 chỉ ke, 04 viên kẹo). H4 bảo H5 hỏi mua ma tuý cho T10, H5 hỏi và mua ma tuý (01 chỉ ke, 03 viên kẹo) của N với tổng số tiền 3.800.000 đồng (tiền mua ma tuý: 3.400.000 đồng, tiền công giao ma tuý 400.000 đồng). Tương đã chuyển cho H4 tiền mua ma tuý 5.000.000 đồng; H4 đã chuyển cho N tiền mua ma tuý 3.800.000 đồng). Sau đó N giao ma tuý cho H5, H4 tại nhà Trường; H5 nhận ma tuý đưa cho T1 và T1 đã giao ma tuý cho T10 (T11 điều khiển xe ô tô chở Tương, T3 và Như đi nhận ma tuý).

Sau khi nhận được ma tuý, T11 điều khiển xe ô tô chở mọi người đến Nhà nghỉ B7 mùa 89, ở thôn B, xã S, huyện S (cũ) thuê phòng nghỉ để sử dụng ma tuý trái phép. Quá trình sử dụng ma tuý, T10 mượn đĩa và đưa Giấy phép lái xe, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho T3; T3 là người pha chế kẹo với C3, "xào ke", "chia ke"; Lò Thị N3 chuẩn bị đầu lọc thuốc lá. Sau đó T10, T3, T11 và N3 sử dụng trái phép chất ma tuý bằng hình thức hít và uống vào cơ thể.

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 15/9/2024, do có Công an đi kiểm tra, T3 đã dùng Giấy phép lái xe gạt số ma tuý ở đĩa còn lại vào trong túi nylon, cầm theo. T11 điều khiển xe ô tô chở T10, T3 và N3 đi đến Nhà nghỉ S4 thuộc thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) thuê một phòng tầng 2 của nhà nghỉ. Quá trình nghỉ tại phòng T3 đổ ma tuý "ke" ra mu bàn tay của T10, T11 và N3; T10 và N3 đưa lên mũi hít vào cơ thể. Do T11 không sử dụng, nên đưa tay có ma tuý để T3 hít ma tuý vào cơ thể. Độ tuổi của Lò Thị N3 khi sử dụng ma tuý trái phép là 13 tuổi, 07 tháng 19 ngày.

- *Lần 2.* Tối ngày 23/9/2024, tại nhà của T1 ở thôn H, xã N, huyện S (cũ), N đã giao cho T1 1,309g *(một phẩy ba không chín gam)* Methamphetamine nhằm mục đích để bán. Hồi 08 giờ 20 phút, ngày 24/9/2024 T1 mang ma tuý ra đường liên thôn trước nhà bán, thì bị bắt quả tang.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, truy tố bị cáo Tạ Văn T10 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*, quy định tại điểm a, b, c, h, khoản 2, Điều 255; điểm a, d, đ, khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Phương N về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*, quy định tại điểm b, q, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Ôn Đức T1 về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Tạ Văn H4 về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*, quy định tại khoản 1, Điều 251; điểm a, d, khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Thăng Văn T11 và Lê Thị Ngọc T3 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*, quy định tại điểm a, b, c, khoản 2, Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Y B2 về tội *"Môi giới mại dâm"*, quy định tại điểm a, d, đ, khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hà Duy C1 về tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"*, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 329 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Hoài P1 về tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"*, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 329 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Ôn Đức H5 về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*, quy định tại khoản 1, Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị V về tội *"Chứa mại dâm"*, quy định tại khoản 1, Điều 327 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, vai trò và mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Đối với tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* và tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*: Bị cáo Tương, N, T1, H4, T11 và T3 nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, là vi phạm pháp luật, gây mất trật tự ở địa phương, góp phần làm gia tăng tệ nạn sử dụng trái phép chất ma tuý trái phép ở địa phương, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý trực tiếp, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật và cần buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T10 là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo N, Hậu H9 là người trực tiếp phạm tội; các bị cáo T1, T11 và T3 là người giúp sức với vai trò không đáng kể. Các bị cáo T10, N và H4 có nhân thân đã bị Toà án xét xử về các tội khác nhau, nên xử phạt các bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo đã gây ra.

- Đối với tội *"Mua dâm đối với người dưới 18 tuổi"*, tội*"Môi giới mại dâm"* và tội *"Chứa mại dâm"*: Bị cáo T10, H4, B2, C1, P1 và V nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, là vi phạm pháp luật, gây mất trật tự ở địa phương, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh xã hội, ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần người dưới 18 tuổi, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng do lỗi cố ý trực tiếp, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật và cần buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung.

Đối với hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi thì các bị cáo C1, P1 phạm tội độc lập không có đồng phạm. Bị cáo T10, H4, B2, và V một mình thực thiện hành vi chứa mại dâm và hành vi môi giới mại dâm mà các bị cáo không có sự tổ chức, bàn bạc với nhau. Các bị cáo T10 và H4 có nhân thân đã bị Toà án xét xử về các tội khác nhau, nên xem xét xử phạt các bị cáo C1, P1, T10, H4, B2 và V mức án phù hợp với tính chất, nội dung phạm tội của từng bị cáo đã gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: - Bị cáo T10, bị cáo Hậu bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*", quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự (áp dụng đối với T10 về tội *"Môi giới mại dâm"*).

- Các bị cáo N, T11, T3, B2, C1, P1, H9, T1 và bị cáo V đều không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T10, N, T1, H4, T11, T3, B2, C1, P1, H9 và bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T10 có bố là Tạ Văn T tham gia dân công hoả tuyến, nên đây là tình tiết giám nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo T1 là người khuyết tật nặng (mù hai mắt), nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo T1 không có học vấn, là người dân tộc thiểu số, nên đây là tình tiết giám nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo H4 có ông nội là Tạ Văn T tham gia dân công hoả tuyến; bị cáo H9 có ông nội là Ôn Đức T14 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; bị cáo B2 có bố chồng là Tạ Văn T tham gia dân công hoả tuyến; bị cáo V có bố chồng là Tạ Văn T tham gia dân công hoả tuyến, nên đây là tình tiết giám nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho các bị cáo H4, H9, B2 và bị cáo V.

Bị cáo Hà Duy C1 tự nguyện đền bù thiệt hại nhân phẩm, danh dự cho chị Nguyễn Thị Minh P2 (Bống) 10.000.000 đồng và chị P2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho C1; bị cáo có ông, bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Ngày 13/3/2025, bị cáo vận động người dân giao nộp được 01 khẩu súng tự chế cho Công an thị trấn S, huyện S (cũ) quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Vũ Hoài P1 tự nguyện đền bù thiệt hại nhân phẩm, danh dự cho chị Triệu Thị L6 (T3) 10.000.000 đồng và chị L6 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho P1; Ngày 05/12/2024 có ủng hộ tiền vì người nghèo năm 2024 tại xã M, huyện S, với số tiền là

2.000.000 đồng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về mức án: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T1 là người khuyết tật nặng (mù hai mắt), không có nghề nghiệp và không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi, nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Mức hình phạt tiền bổ sung theo như đề nghị của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát đối với từng bị cáo là phù hợp, có căn cứ, nên chấp nhận.

[8]. Ý kiến bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý P1 bào chữa cho bị cáo T1 tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nội dung vụ án, nên chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[9]. Ý kiến bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trợ giúp viên pháp lý T7 cho chị L6 (T3) và Trợ giúp viên pháp lý Thăng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N3 tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nội dung vụ án, nên chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[10]. Về biện pháp tư pháp: ** Xét thấy trong quá trình điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài sản có liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng không còn giá trị sử dụng và thuộc loại cấm lưu hành trái phép, nên tịch thu tiêu hủy gồm*:

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một bao cao su có chữ nước ngoài ở vỏ, chưa qua sử dụng.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một vỏ bao cao su có chữ nước ngoài.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một bao cao su đã qua sử dụng.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín (bên ngoài bì có ghi chữ "Tang vật vụ Ôn Đức T1, Giám định ngày 24/9/2024), bên trong có 1,309g ma tuý của Ôn Đức T1.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu vàng, kích thước (7,5x2x0,9)cm.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu xanh, trên thân có dòng chữ "BẬT LỬA AN TOÀN THONG NHẠT... khởi nguồn may mắn", kích thước (7,5x2x0,9)cm.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu trắng, có một phần dán giấy có hình ảnh và có chữ "HOA VIỆT", kích thước (7,5x2x1,5)cm.

** Xét thấy trong quá trình điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài sản có liên quan đến hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm*:

- 01 (Một) bóng đèn Led xoay nhiều màu đã gắn vào ổ cắm có kích thước (8x8x15)cm, kèm theo các bộ phận của đèn.

- 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus, vỏ màu hồng, bên trong có 01 sim viettel của Tạ Văn T10.

- Tiền mua dâm của Trần Minh L5, Phương Văn M2 với tổng số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đã thu giữ của Y B2.

* Bị cáo Đặng Phương N đã thu lợi tiền chênh lệch và tiền mua bán ma tuý là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng); bị cáo Tạ Văn H4 thu lợi tiền chênh lệch do mua bán ma tuý 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Xét thấy số tiền này do các bị cáo phạm tội mà có và bị cáo N, bị cáo H4 chưa nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên cần truy thu để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

* Chị Nguyễn Thị Minh P2 (B1) và chị Triệu Thị L6 (T3) đã thực hiện hành vi bán dâm thu tiền là vi phạm pháp luật, số tiền thu lợi bất chính này chị P2 và chị L6 chưa giao nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên truy thu để tịch thu sung ngân sách Nhà nước, đối với chị P2 số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và chị L6 là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

** Xét thấy trong quá trình điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài sản hợp pháp của các bị cáo, nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo như sau:*

- Trả lại cho bị cáo Tạ Văn T10: + 01 (Một) chiếc túi có kích thước (24x18x6)cm chất liệu da, trên bề mặt túi có nhiều ô vuông màu đen, xám xen kẽ.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 008093004956, mang tên Tạ Văn T10, sinh ngày 01/3/1993.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 038193011912, mang tên Bùi Thị L7, sinh ngày 18/04/1993.

+ 01 (Một) bì niêm phong dán kín (ngoài bì có ghi chữ "Giấy phép lái xe mang tên Hoàng Mạnh H8"), bên trong có Giấy phép lái xe số 080124003703, mang tên Hoàng Mạnh H8, ngày sinh 02/01/1981, do Sở giao thông vận tại cấp ngày 23/12/2021; mặt sau bên dưới có dãy số BL594670.

+ 01 (Một) Giấy phép lái xe số 080195800211, mang tên Tạ Văn T10, ngày sinh 01/03/1993, do Sở giao thông vận tại cấp ngày 20/4/2019; mặt sau bên dưới có dãy số AR664070.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ngọc T3 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, vỏ màu xanh, lắp 01 sim viettel, điện thoại đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị V 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, vỏ màu xanh; sim 1 hoạt động là sim V3, không có sim 2. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Y B2 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu tím, bên trong lắp 01 sim V3, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Hà Duy C1 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, bên trong lắp 01 sim Vinaphone, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

[11]. Quá trình điều tra Tạ Văn T10, Tạ Văn H4 và Y B2 còn khai nhận: Trong quá trình kinh doanh dịch vụ Karaoke đã nhiều lần môi giới cho các nhân viên mua bán dâm với khách hát nhưng đều không xác định được thời gian, địa điểm, người mua dâm, bán dâm. Đặng Phương N khai mua ma túy của Nguyễn Văn H6 (ngày 14/9/2024, mua 01 chỉ "ke" và 03 viên "kẹo" với giá là 2.400.000 đồng; ngày 23/9/2024, mua 01g ma túy "đá" với giá 800.000 đồng) để bán cho Ôn Đức H5, nhưng H6 không thừa nhận

bán ma tuý cho N và H5, không thừa nhận mua ma tuý của N do đó không có căn cứ để xử lý theo quy định.

[12]. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý của Lò Thị N3, nhưng do N3 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (độ tuổi của Như khi vi phạm là là 13 tuổi 7 tháng 19 ngày); đối với anh Tạ Văn M đứng tên kinh doanh quán X2-MEN Club, do anh M không biết Tạ Văn T10, Tạ Văn H4 và Y B2 thực hiện hành vi môi giới mại dâm tại quán X2; đối với Nguyễn Kim Q3 (chủ Nhà nghỉ S4) ngày 15/9/2024, cho T10, T11, T3 và Như thuê phòng nghỉ, Nguyễn Thị Mai L8 (nhân viên của Nhà nghỉ Bốn mùa 89) cho Tương mượn đĩa, nhưng do không biết các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý; đối với các chủ tài khoản Ngân hàng: Tài khoản của N5 (Nguyễn Thị Minh P2 sử dụng) do đã chết, tài khoản của Hoàng Tiến C4 (Đặng Phương N sử dụng) do không biết N sử dụng tài khoản để thực hiện mua bán ma tuý, tài khoản của Y B2 (do Vũ Hoài P1 chuyển tiền mua dâm Triệu Thị L6) do không biết P1 chuyển tiền mua dâm L6, nên không đề cập hình thức xử lý theo pháp luật.

[13]. Đối với Tạ Văn T10, Tạ Văn H4 do không thực hiện hành vi môi giới để Vũ Hoài P1 mua dâm Triệu Thị L6 (T3) vào ngày 24/8/2024; Nguyễn Thị V (chủ Nhà nghỉ G) cho Hà Duy C1, Vũ Hoài P1 thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm (các ngày 24/8, 25/8 và ngày 14/9/2024), nhưng do V không biết C1 mua bán dâm với Nguyễn Thị Minh P2 (B), P1 mua bán dâm với L6 (T3); Việc chuyển tiền mua dâm P1 và L6 vào tài khoản ngân hàng của Y B2 do B2 không biết là tiền L6 bán dâm mà có, nên không đề cập xử lý theo quy định.

[14]. Đối với Nguyễn Thu H3 (chủ nhà Nghỉ Bốn Mùa 89) do không biết Tạ Văn T10, Thăng Văn T11, Lê Thị Ngọc T3 và Lò Thị N3 thuê phòng nghỉ do mình quản lý để tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý; Hành vi mua, bán dâm của Phương Văn M2, Trần Minh L5, Nguyễn Thị Minh P2 (Bống), Triệu Thị L6 (T3), Bùi Thị L7 và Lỳ X; Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Tạ Văn T10, Thăng Văn T11, Lê Thị Ngọc T3 và Đặng Phương N do các hành vi vi phạm hành chính. Đối với Tạ Văn T10 sử dụng Triệu Thị D1, Triệu Thị L6 (T3) và Lò Thị N3 (là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi), Lường Thị X, Nguyễn Thị Minh P2 (là người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi) làm nhân viên phục vụ phòng hát Karaoke và không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú; hành vi của Nguyễn Thị V (chủ Nhà nghỉ G) để xảy ra hoạt động mua bán dâm (vào các ngày 15/8, 25/8, 14/9/2024), do là hành vi vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra văn bản số: 2261/CSHS-Đ3, ngày 09/12/2024; số: 2350/CSHS-Đ3, ngày 27/12/2024; số: 2460/CSHS-Đ3, ngày 29/12/2024; số: 41/CSHS-Đ3, ngày 08/01/2025 chuyển toàn bộ tài liệu đến người có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nên không xem xét giải quyết.

[15] Về án phí: - Bị cáo T1 là người khuyết tật nặng, người thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo T10, N, H4, T11, T3, B2, C1, P1, H5 và bị cáo V phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm a, b, c, h khoản 2 Điều 255; a, d, đ khoản 2 Điều 328; điểm a, b khoản 2 Điều 329; khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo **Tạ Văn T10** phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*.
- Bị cáo **Đặng Phương N** và bị cáo **Ôn Đức T1** phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.
- Bị cáo **Tạ Văn H4** phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* và tội *"Môi giới mại dâm"*.
- Bị cáo **Thăng Văn T11** và bị cáo **Lê Thị Ngọc T3** phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.
- Bị cáo **Y B2** phạm tội *"Môi giới mại dâm"*.
- Bị cáo **Hà Duy C1** và bị cáo **Vũ Hoài P1** phạm tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"*.
- Bị cáo **Ôn Đức H5** phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.
- Bị cáo **Nguyễn Thị V** phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a, b, c, h khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm a, d, đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với tội *"Môi giới mại dâm"*); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38; 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Tạ Văn T10** 11 (Mười một) năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*; 05 (năm) năm tù về tội *"Môi giới mại dâm"*; tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Môi giới mại dâm"*.

2.2. Áp dụng điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Phương N** 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/10/2024.

Phạt tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 58; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Ôn Đức T1** 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/10/2024.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm a, d khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38; 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Tạ Văn H4** 03 (Ba) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; 03 (Ba) năm tù về tội *"Môi giới mại dâm"*, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (S3) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước đối với tội *"Môi giới mại dâm"*.

2.5. Áp dụng điểm a, b, c khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Thăng Văn T11** 06 (S3) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.6. Áp dụng điểm a, b, c khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Ngọc T3** 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.7. Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Y B2** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/9/2024.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.8. Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 329; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hà Duy C1** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.9. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 329; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Hoài P1** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.10. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Ôn Đức H5** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.11. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị V** 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một bao cao su có chữ nước ngoài ở vỏ, chưa qua sử dụng.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một vỏ bao cao su có chữ nước ngoài.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín, bên trong có một bao cao su đã qua sử dụng.

- 01 (Một) bì niêm phong dán kín (bên ngoài bì có ghi chữ "Tang vật vụ Ôn Đức T1, Giám định ngày 24/9/2024), bên trong có 1,309g ma tuý của Ôn Đức T1.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu vàng, kích thước (7,5x2x0,9)cm.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu xanh, trên thân có dòng chữ "BẬT LỬA AN TOÀN THONG NHẠT... khởi nguồn may mắn", kích thước (7,5x2x0,9)cm.

- 01 (Một) chiếc bật lửa có thân bằng nhựa màu trắng, có một phần dán giấy có hình ảnh và có chữ "HOA VIỆT", kích thước (7,5x2x1,5)cm.

Tình trạng vật chứng và tài sản trên như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an tỉnh T với Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (cũ), lập ngày 27/3/2025.

3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:

- 01 (Một) bóng đèn Led xoay nhiều màu đã gắn vào ổ cắm có kích thước (8x8x15)cm, gồm các bộ phận sau: Phần đèn hình khối cầu, bên trên có phần nhựa có thể xoay tròn, phần đế gồm bóng đèn và các linh kiện điện tử và phần nhựa màu vàng, phần tiếp điện dạng trụ đuôi xoáy; phần ổ cắm dạng chữ L, có phần tiếp điện dạng trụ đui xoáy, phần phích cắm điện 2 chân tròn.

- 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu iPhone 6s Plus, vỏ màu hồng, bên trong có 01 sim viettel có số 8984048000038O2t344 trên bề mặt sim, số máy MN3U2LL/A; Số sê-ri F2LT6GBHFM5; IMEI 354984075931334 của Tạ Văn T10 đựng trong 01 (Một) bì niêm phong dán kín (bên ngoài bì có ghi chữ "Điện thoại của Tạ Văn T10").

Tình trạng vật chứng và tài sản trên như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an tỉnh T với Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (cũ), lập ngày 27/3/2025.

- Tiền mua dâm của Trần Minh L5, Phương Văn M2 với tổng số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đã thu giữ của bị cáo Y B2. Toàn bộ số tiền này có trong tổng số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3.3. Truy thu để tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:

- Bị cáo Đặng Phương N số tiền chênh lệch và tiền mua bán ma tuý tổng cộng là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Tạ Văn H4 tiền chênh lệch do mua bán ma tuý là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh P2 (tên gọi khác: B1) số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị L6 (tên gọi khác: T3) số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

3.4. Trả lại tài sản, đồ vật như sau:

- Trả lại cho bị cáo Tạ Văn T10 gồm: + 01 (Một) chiếc túi có kích thước (24x18x6)cm chất liệu da, trên bề mặt túi có nhiều ô vuông màu đen, xám xen kẽ.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 008093004956, mang tên Tạ Văn T10, sinh ngày 01/3/1993, trú tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, do Cục Q5 về trật tự xã hội cấp ngày 26/02/2024.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 038193011912, mang tên Bùi Thị L7, sinh ngày 18/04/1993, trú tại thôn T, P, C, Thanh Hóa, do Cục Q5 về trật tự xã hội cấp ngày 11/06/2023.

+ 01 (Một) bì niêm phong dán kín (ngoài bì có ghi chữ "Giấy phép lái xe mang tên Hoàng Mạnh H8", bên trong có Giấy phép lái xe số 080124003703, mang tên Hoàng Mạnh H8, ngày sinh 02/01/1981, nơi cư trú T, X. T, H. S, T. Tuyên Q4, do Sở giao thông vận tại cấp ngày 23/12/2021; mặt sau bên dưới có dãy số BL594670.

+ 01 (Một) Giấy phép lái xe số 080195800211, mang tên Tạ Văn T10, ngày sinh 01/03/1993, nơi cư trú X. T, H. S, T. Tuyên Q4, do Sở giao thông vận tại cấp ngày 20/4/2019; mặt sau bên dưới có dãy số AR664070.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ngọc T3 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, mật khẩu mở máy là "191191" vỏ màu xanh, số máy MGHA3LL/A; Số sê-ri F17GJ0UKDXV; Số IMEI 1: 353342889744750; số IMEI 2: 353342889903166; lắp 01 sim viettel, trên sim có dãy số 8984048000903837977, điện thoại đã qua sử dụng của Lê Thị Ngọc T3 được đựng bên trong 01 (Một) bì niêm phong dán kín (ngoài bì có ghi chữ "Điện thoại Lê Thị Ngọc T3"), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị V 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, vỏ màu xanh; kiểu máy CPH2325; IMEI 1: 866787058515490; IMEI 2: 866787058515482; trạng thái thẻ sim: sim 1 hoạt động là sim V3, số sim 8984048000007405783, không có sim 2. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị V, được đựng bên trong 01 (Một) bì niêm phong dán kín (bên ngoài bì có ghi chữ "Điện thoại Nguyễn Thị V"), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Y B2 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu tím; số IMEI: 353985106545309, số IMEI 2: 353985106562874, bên trong lắp 01 sim V3, số sim: 8984048000903795297; điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Y B2 được đựng bên trong 01 (Một) bì niêm phong dán kín (ngoài bì có ghi chữ "Điện thoại Y"), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Trả lại cho bị cáo Hà Duy C1 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax; số máy: MLLE3KH/A; số sê-ri: TXVY6W365G; IMEI: 358863669215153; điện thoại cũ, đã qua sử dụng. Bên trong lắp 01 sim Vinaphone, số sim: 8984020001125312389 5, số thuê bao: 0915296663. Điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Hà Duy C1, được đựng bên trong 01 (Một) bì niêm phong dán kín (ngoài bì có ghi chữ "điện thoại Hà Duy C1, Iphone 13 Promax), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Tình trạng tài sản trên như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an tỉnh T với Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (cũ), lập ngày 27/3/2025.

- Trả lại cho bị cáo Y B2 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này có trong tổng số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

4. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các bị cáo Tạ Văn T10, Đặng Phương N, Tạ Văn H4, Thăng Văn T11, Lê Thị Ngọc T3, Y B2, Hà Duy C1, Vũ Hoài P1, Ôn Đức H5 và bị cáo Nguyễn Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ôn Đức T1.

5. Về quyền kháng cáo: - Các bị cáo T10, N, T1, H4, T11, T3, B2, C1, P1, H5 và bị cáo V; người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo T1 là ông T2 và Trợ giúp viên pháp lý bà P1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 02/7/2025.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L7 (T3) là Trợ giúp viên pháp lý Tuyến, cho chị N3 là Trợ giúp viên pháp lý Thăng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của chị L7 (T3), chị N3 của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 02/7/2025.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M2, anh L5, chị P2 (B1), chị L7 (T3), chị M3 (N2), chị N3 và người đại diện hợp pháp của chị P2 (B1) là ông T6, của chị L7 (T3) là ông Đ2, của chị N3 là ông S2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận**:*
- Tòa phúc thẩm 1 TAND tối cao;
- VKS phúc thẩm 1 VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh TQ:
- Trợ giúp viên PL Phương, Tuyến, Thăng;
- Người tham gia tố tụng.
- Văn phòng TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm **Nguyễn Thị Kim Thanh** **Trần Anh Tuấn**